

Số: **014772** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 13427.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-17  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml  
Ngày nhận mẫu : 19/07/2022  
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu           | Phương pháp                       | Kết quả    | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------|-----------------------------------|------------|------------------|
| 1   | Enterobacteriaceae | AOAC 2003.01 (TCVN 9980:2013) (d) | < 1 CFU/ml | 19/07/2022       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /ml : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **21-07-2022**  
TUQ. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **018569** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 16426.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-28  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml  
Ngày nhận mẫu : 07/09/2022  
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp          | Kết quả    | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------------------------|----------------------|------------|------------------|
| 1   | <i>Listeria monocytogenes</i> | ISO 11290-2:2017 (b) | < 1 CFU/ml | 08/09/2022       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /ml : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16-09-2022**  
TUQ. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



**\*Ts. Nguyễn Đức Thịnh**



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 16427.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.  
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-28  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml  
Ngày nhận mẫu : 07/09/2022  
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu        | Phương pháp              | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Arsen (As) tổng | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 14/09/2022       |
| 2   | Cadimi (Cd)     | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 14/09/2022       |
| 3   | Thủy ngân (Hg)  | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 14/09/2022       |
| 4   | Chì (Pb)        | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 14/09/2022       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....1.6.-09- 2022..

TU. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh





Số: **019142** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17163.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-28  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml  
Ngày nhận mẫu : 16/09/2022  
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu     | Phương pháp                            | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------|----------------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Aflatoxin M1 | HD.PP.03-2/TT.SK                       | Không phát hiện<br>MLOD = 0,02 µg/kg | 20/09/2022       |
| 2   | Melamine     | TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg | 20/09/2022       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **26-09-2022**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12820.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DÂU - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-17  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml  
Ngày nhận mẫu : 08/07/2022  
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                              | Phương pháp                                                              | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 1   | Albendazole                           | Ref. AOAC 2007.01                                                        | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg     | 17/07/2022       |
| 2   | Amoxicillin                           | HD.PP.46/TT.SK                                                           | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/kg     | 15/07/2022       |
| 3   | Clenbuterol                           | HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,014 µg/kg | 08/07/2022       |
| 4   | Colistin                              | HD.PP.46/TT.SK                                                           | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg    | 15/07/2022       |
| 5   | Cypermethrin và<br>alpha-Cypermethrin | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (a)                        | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg    | 15/07/2022       |
| 6   | Monensin                              | Ref. AOAC 2007.01                                                        | Không phát hiện<br>MLOD = 0,5 µg/kg   | 17/07/2022       |
| 7   | Tylosin                               | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.<br>J.Agric.Food Chem, 2015,<br>5133-5140) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg     | 15/07/2022       |
| 8   | Diminazen                             | HD.PP.46/TT.SK                                                           | Không phát hiện<br>MLOD = 25 µg/kg    | 15/07/2022       |
| 9   | Doramectin                            | Ref. CLG-MRM1.05                                                         | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg     | 17/07/2022       |
| 10  | Eprinomectin                          | Ref. CLG-MRM1.05                                                         | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg     | 17/07/2022       |
| 11  | Imidocarb                             | Ref. AOAC 2007.01                                                        | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg     | 17/07/2022       |
| 12  | Ivermectin                            | Ref. CLG-MRM1.05                                                         | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg     | 17/07/2022       |



**Mã số mẫu: 12820.22**

| Stt | Chỉ tiêu                 | Phương pháp                                                                                                                                                                                                              | Kết quả                             | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| 13  | Trichlorfon (Metrifonat) | Ref. AOAC 2007.01                                                                                                                                                                                                        | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg   | 17/07/2022       |
| 14  | Dexamethasone            | HD.PP.08/TT.SK:2019<br>(Ref.Application Note<br>720004511EN Waters &<br>Ref.Journal of Chromatography<br>B, 826 (2005), 214-219 &<br>Ref.Journal of Pharmaceutical<br>and Biomedical Analysis 41<br>(2006), 554-564) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,1 µg/kg | 17/07/2022       |
| 15  | Ceftiofur                | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.<br>J.Agric.Food Chem, 2015,5133 -<br>5140) (d)                                                                                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg   | 15/07/2022       |
| 16  | Chlortetracycline        | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 995.09 & Ref. Application<br>Note, 2009, 5990-3816 EN,<br>Agilent) (d)                                                                                                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/kg  | 10/07/2022       |
| 17  | Oxytetracycline          | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 995.09 & Ref. Application<br>Note, 2009, 5990-3816 EN,<br>Agilent) (d)                                                                                                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/kg  | 10/07/2022       |
| 18  | Tetracycline             | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 995.09 & Ref. Application<br>Note, 2009, 5990-3816 EN,<br>Agilent) (d)                                                                                                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/kg  | 10/07/2022       |
| 19  | Dihydrostreptomycin      | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref.<br>CLG-AMG4.02) (d)                                                                                                                                                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg  | 09/07/2022       |
| 20  | Streptomycin             | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref.<br>CLG-AMG4.02) (d)                                                                                                                                                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg  | 09/07/2022       |
| 21  | Febantel                 | HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d)                                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg   | 17/07/2022       |
| 22  | Fenbendazole             | HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d)                                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg   | 17/07/2022       |
| 23  | Oxfendazole              | HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d)                                                                                                                                                                          | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg   | 17/07/2022       |
| 24  | Gentamicin               | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref.<br>CLG-AMG4.02) (d)                                                                                                                                                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg  | 09/07/2022       |
| 25  | Benzylpenicillin         | HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)                                                                                                                                                                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/kg   | 15/07/2022       |
| 26  | Procaine benzylpenicilin | HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)                                                                                                                                                                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/kg   | 15/07/2022       |
| 27  | Neomycin                 | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref.<br>CLG-AMG4.02) (d)                                                                                                                                                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg  | 09/07/2022       |
| 28  | Pirlimycin               | HD.PP.142/TT.SK:2019<br>(Ref.J.Agric.Food Chem,<br>2015,5133-5140) (d)                                                                                                                                                   | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg   | 15/07/2022       |
| 29  | Spectinomycin            | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref.<br>CLG-AMG4.02) (d)                                                                                                                                                                            | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg  | 09/07/2022       |
| 30  | Spiramycin               | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.<br>J.Agric.Food Chem, 2015,<br>5133-5140) (d)                                                                                                                                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg   | 15/07/2022       |

Mã số mẫu: 12820.22

| Stt | Chỉ tiêu                    | Phương pháp                                                        | Kết quả                            | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 31  | Sulfadimidine               | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg  | 15/07/2022       |
| 32  | Lincomycin                  | HD.PP.46/TT.SK                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 15/07/2022       |
| 33  | Thiabendazole               | HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)                       | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/07/2022       |
| 34  | Isometamidium               | HD.PP.46/TT.SK                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 15/07/2022       |
| 35  | Cyfluthrin                  | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)                     | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 15/07/2022       |
| 36  | L-Cyhalothrin (Cyhalothrin) | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)                     | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 15/07/2022       |
| 37  | Deltamethrin                | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)                     | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 15/07/2022       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **19-07-2022**

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ts. Nguyễn Đức Thịnh**





Số: **014528** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12821.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU - VINAMILK  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-17  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml  
Ngày nhận mẫu : 08/07/2022  
Người gửi mẫu : Đào Thị Hồng Lý  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu           | Phương pháp                                    | Kết quả                                | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|
| 1   | Dimethoate         | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/07/2022       |
| 2   | Chlordane          | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0005 mg/kg | 15/07/2022       |
| 3   | DDT                | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 15/07/2022       |
| 4   | Piperonyl butoxide | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/07/2022       |
| 5   | Disulfoton         | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 15/07/2022       |
| 6   | Fipronil           | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg  | 15/07/2022       |
| 7   | Aldrin và Dieldrin | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,001 mg/kg  | 15/07/2022       |
| 8   | Abamectin          | Ref. CLG-MRM1.05                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,004 mg/kg  | 17/07/2022       |
| 9   | Chlormequat        | HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)                      | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 09/07/2022       |
| 10  | Ethephon           | HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (d)                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 14/07/2022       |
| 11  | Methamidophos      | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/07/2022       |
| 12  | Penconazole        | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/07/2022       |



Mã số mẫu: 12821.22

| Stt | Chỉ tiêu      | Phương pháp                                       | Kết quả                               | Ngày<br>kiểm nghiệm |
|-----|---------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|
| 13  | Spinosad      | Ref. AOAC 2007.01                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/07/2022          |
| 14  | Tebufozide    | Ref. AOAC 2007.01                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/07/2022          |
| 15  | Flumethrin    | Ref. AOAC 2007.01                                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/07/2022          |
| 16  | Thiabendazole | HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d)   | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 17/07/2022          |
| 17  | Chlorpyrifos  | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 15/07/2022          |
| 18  | Endosulfan    | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 15/07/2022          |
| 19  | Heptachlor    | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg | 15/07/2022          |
| 20  | Lindan        | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref.<br>AOAC 2007.01) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 15/07/2022          |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **19-07-2022**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ts. Nguyễn Đức Thịnh**